



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 297 + 298

Ngày 01 tháng 6 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|--|----|
| 07-5-2025- | Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định về giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 3 |
| 07-5-2025- | Quyết định số 68/2025/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 128/2002/QĐ-UB ngày 12 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình thụ lý và giải quyết hồ sơ di dời của doanh nghiệp. | 21 |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

- | | | |
|------------|--|----|
| 18-4-2025- | Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ. | 23 |
|------------|--|----|

- 06-5-2025- Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ. 33

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 04-4-2025- Quyết định số 1322/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền tiếp nhận của UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức. 39
- 04-4-2025- Quyết định số 1323/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền tiếp nhận của UBND phường, xã, thị trấn. 47
- 04-4-2025- Quyết định số 1333/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường. 55

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 67/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý
chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá;

Thực hiện Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đổi tên Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thành Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo Tờ trình số 13697/TTr-STNMT-CTR ngày 19 tháng 12 năm 2024, Công văn số 2678/STNMT-CTR ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 8447/STP-VB ngày 12 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2025 và thay thế Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về giá tối đa đối với dịch vụ

thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Chi cục trưởng Chi cục Thuế Khu vực II, Giám đốc Kho bạc nhà nước Khu vực II, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận-huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường-xã-thị trấn, Giám đốc các đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường và các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân đang sinh sống, hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Về giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn
sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy định này quy định về hình thức và mức giá cụ thể (mức kinh phí) cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải (chất thải rắn sinh hoạt sau đây được viết tắt là CTRSH).

2. Các nội dung liên quan giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh chưa được quy định tại Quy định này thì được thực hiện theo quy định hiện hành do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân có phát sinh CTRSH trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan hoạt động cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH được ban hành theo quy định này không áp dụng cho các đối tượng ký hợp đồng với các đơn vị cung ứng dịch vụ không thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan quản lý nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

1. Nhóm 1: Nhóm đối tượng trả giá dịch vụ theo nguyên tắc có sự bù đắp thông qua ngân sách địa phương bao gồm: hộ gia đình, cá nhân và các chủ nguồn thải nhỏ quy định tại khoản 1 Điều 58 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP hoặc quy định pháp luật thay thế (nếu có) lựa chọn hình thức quản lý CTRSH như cá nhân, hộ gia đình

a) Mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trong trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa triển khai thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 hoặc trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 hoặc trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân lựa chọn đóng đúng, đủ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển theo mức giá này:

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Giá cụ thể dịch vụ thu gom tại nguồn	Giá cụ thể dịch vụ vận chuyển
I.	Khu vực thành phố Thủ Đức và các quận			
1	Hộ gia đình /Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh ≤ 126 kg/tháng	Đồng/tháng	61.000	23.000
2	Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh trên 126 kg/tháng đến 250 kg/tháng	Đồng/tháng	91.000	34.000
3	Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh trên 250 kg/tháng đến đến 420 kg/tháng	Đồng/tháng	163.000	60.000
4	Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh trên 420 kg/tháng	Đồng/kg	485,97	180,07
II.	Khu vực các huyện: Hóc Môn, Nhà Bè, Cần Giò			
1	Hộ gia đình /Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh ≤ 126 kg/tháng	Đồng/tháng	57.000	23.000
2	Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh trên 126 kg/tháng đến 250 kg/tháng	Đồng/tháng	85.000	34.000
3	Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh trên 250 kg/tháng đến đến 420 kg/tháng	Đồng/tháng	152.000	60.000
4	Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh trên 420 kg/tháng	Đồng/kg	452,91	180,07
III.	Khu vực các huyện: Củ Chi, Bình Chánh			

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Giá cụ thể dịch vụ thu gom tại nguồn	Giá cụ thể dịch vụ vận chuyển
1	Hộ gia đình /Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh ≤ 126 kg/tháng	Đồng/tháng	57.000	19.000
2	Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh trên 126 kg/tháng đến 250 kg/tháng	Đồng/tháng	85.000	28.000
3	Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh trên 250 kg/tháng đến 420 kg/tháng	Đồng/tháng	152.000	49.000
4	Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh trên 420 kg/tháng	Đồng/kg	452,91	147,07

Ghi chú:

- Giai đoạn này chưa thực hiện thu giá dịch vụ xử lý CTRSH đối với đối tượng nhóm 1.

- Mức giá này đã tách thuế giá trị gia tăng đầu vào, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng đầu ra. Trong quá trình triển khai thực hiện áp dụng mức thuế giá trị gia tăng đầu ra theo quy định hiện hành.

- Mức giá này đã được tính toán và quy đổi theo khối lượng CTRSH phát sinh bình quân đầu người theo quy chuẩn hiện hành và bình quân nhân khẩu của một hộ gia đình.

b) Mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trong trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh triển khai thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải nhỏ thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn đúng quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền:

TT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá cụ thể chưa bao gồm thuế VAT
I.	Khu vực thành phố Thủ Đức và các quận		
1	Dịch vụ thu gom tại nguồn CTRSH	Đồng/kg	485,97
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	180,07
II.	Khu vực các huyện Hóc Môn, Nhà Bè, Cần Giờ		
1	Dịch vụ thu gom tại nguồn CTRSH	Đồng/kg	452,91

TT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá cụ thể chưa bao gồm thuế VAT
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	180,07
III.	Khu vực huyện Củ Chi, huyện Bình Chánh		
1	Dịch vụ thu gom tại nguồn CTRSH	Đồng/kg	452,91
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	147,07

Ghi chú:

- Giai đoạn này chưa thực hiện thu giá dịch vụ xử lý CTRSH đối với đối tượng nhóm 1.

- Mức giá này đã tách thuế giá trị gia tăng đầu vào, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng đầu ra. Trong quá trình triển khai thực hiện áp dụng mức thuế giá trị gia tăng đầu ra theo quy định hiện hành.

- Mức giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển của 01 hộ gia đình/tháng được xác định bằng khối lượng CTRSH thống kê phát sinh trong 01 tháng của hộ gia đình (kg/tháng) theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Quy định này nhân với mức giá (đồng/kg) quy định tại bảng giá này.

2. Nhóm 2: Nhóm đối tượng phải trả giá dịch vụ trên nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH bao gồm: các chủ nguồn thải lớn quy định tại khoản 2 Điều 58 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP hoặc quy định pháp luật thay thế (nếu có) và các chủ nguồn thải nhỏ quy định tại khoản 1 Điều 58 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP hoặc quy định pháp luật thay thế (nếu có) chọn hình thức quản lý CTRSH như chủ nguồn thải lớn.

Mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH được quy định như sau:

TT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá cụ thể chưa bao gồm thuế VAT
I.	Khu vực thành phố Thủ Đức và các quận		
1	Dịch vụ thu gom tại nguồn CTRSH	Đồng/kg	485,97
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	180,07

TT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá cụ thể chưa bao gồm thuế VAT
3	Dịch vụ xử lý CTRSH	Đồng/kg	420,45
II.	Khu vực các huyện: Hóc Môn, Nhà Bè, Cần Giờ		
1	Dịch vụ thu gom tại nguồn CTRSH	Đồng/kg	452,91
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	180,07
3	Dịch vụ xử lý CTRSH	Đồng/kg	420,45
III.	Khu vực huyện Củ Chi, huyện Bình Chánh		
1	Dịch vụ thu gom tại nguồn CTRSH	Đồng/kg	452,91
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	147,07
3	Dịch vụ xử lý CTRSH	Đồng/kg	420,45

Ghi chú: Mức giá này đã tách thuế giá trị gia tăng đầu vào, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng đầu ra. Trong quá trình triển khai thực hiện áp dụng mức thuế giá trị gia tăng đầu ra theo quy định hiện hành.

Điều 4. Hình thức chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH

1. Hình thức chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của chủ nguồn thải (bao gồm chủ nguồn thải lớn và chủ nguồn thải nhỏ), hộ gia đình và cá nhân được thực hiện theo hình thức thu giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH dựa trên khối lượng CTRSH phát sinh theo thống kê.

2. Việc xác định khối lượng CTRSH phát sinh của hộ gia đình, cá nhân để làm cơ sở thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH được tổ chức thực hiện như sau:

a) Trong trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa triển khai thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 hoặc trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 hoặc trường hợp hộ gia đình, cá nhân lựa chọn đúng, đủ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển theo mức giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Quy định này:

Ủy ban nhân dân cấp huyện không tổ chức thực hiện thống kê khối lượng CTRSH phát sinh của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp này do khối lượng

CTRSH phát sinh của hộ gia đình, cá nhân để làm cơ sở thu giá dịch vụ vận chuyển, xử lý CTRSH đã được tính toán theo quy chuẩn hiện hành về lượng CTRSH phát sinh bình quân đầu người và bình quân nhân khẩu của một hộ gia đình theo điểm a khoản 1 Điều 3 của Quy định này.

b) Trong trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh triển khai thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và hộ gia đình, cá nhân thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn đúng quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền:

Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thống kê khối lượng CTRSH phát sinh sau phân loại (không bao gồm chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng và chất thải nguy hại đã được phân loại riêng) của hộ gia đình, cá nhân trong một khoảng thời gian do các bên tự thỏa thuận làm cơ sở xác định khối lượng CTRSH thu giá dịch vụ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Quy định này. Khối lượng CTRSH phát sinh sau phân loại được xác định theo 01 trong các cách thức sau:

- Cân xác định khối lượng;
- Thống kê số lượng, loại thể tích thiết bị chứa đựng CTRSH; áp dụng hệ số quy đổi dung tích thiết bị lưu chứa CTRSH ($1\text{m}^3 \sim 420\text{ kg}$) hoặc theo quy định pháp luật hiện hành khác (nếu có);
- Cách thức khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động áp dụng phù hợp với địa phương.

3. Việc xác định khối lượng CTRSH phát sinh của chủ nguồn thải (bao gồm chủ nguồn thải lớn và chủ nguồn thải nhỏ) để làm cơ sở thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH được tổ chức thực hiện như sau:

Trong trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa triển khai hoặc triển khai phân loại CTRSH tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thống kê xác định khối lượng CTRSH phát sinh của chủ nguồn thải trong một khoảng thời gian do các bên tự thỏa thuận làm cơ sở xác định khối lượng CTRSH thu giá dịch vụ. Khối lượng CTRSH phát sinh được xác định theo 01 trong các cách thức sau:

- a) Cân xác định khối lượng;
- b) Thống kê số lượng, loại thể tích thiết bị chứa đựng CTRSH; áp dụng hệ số quy đổi dung tích thiết bị lưu chứa CTRSH ($1\text{m}^3 \sim 420\text{ kg}$) hoặc theo quy định pháp

luật hiện hành khác (nếu có);

c) Cách thức khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động áp dụng phù hợp với địa phương.

Điều 5. Quản lý công tác tổ chức thu giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH

1. Việc tổ chức thu giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH được thực hiện theo phương thức quy định tại Điều 14 của Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh hoặc quy định pháp luật thay thế (nếu có) và các quy định chi tiết tại Điều này.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân và các chủ nguồn thải nhỏ chọn hình thức quản lý CTRSH như hộ gia đình, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tình hình thực tế tại địa phương lựa chọn triển khai 01 trong các phương thức thu giá dịch vụ trên sau đây:

a) Đơn vị cung ứng dịch vụ nào sẽ tổ chức thu giá dịch vụ đó theo quy định như sau:

- Chủ thu gom CTRSH tổ chức thu và được giữ lại toàn bộ giá dịch vụ thu gom tại nguồn;

- Chủ vận chuyển CTRSH trúng thầu trên địa bàn cấp huyện tổ chức thu và nộp lại toàn bộ giá dịch vụ vận chuyển, xử lý CTRSH cho Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện thanh toán giá dịch vụ vận chuyển cho chủ vận chuyển CTRSH trúng thầu theo hợp đồng cung ứng dịch vụ vận chuyển trên địa bàn cấp huyện và nộp giá dịch vụ xử lý CTRSH cho ngân sách nhà nước theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của các đối tượng hộ gia đình, cá nhân và các chủ nguồn thải nhỏ chọn hình thức quản lý CTRSH như hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quản lý và thanh toán giá dịch vụ cho các đơn vị cung ứng dịch vụ như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã thanh toán toàn bộ giá dịch vụ thu gom tại nguồn cho chủ thu gom theo hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom tại nguồn giữa Ủy ban nhân dân cấp xã và chủ thu gom hoặc theo danh sách hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom tại nguồn giữa chủ thu gom và hộ gia đình, cá nhân;

- Ủy ban nhân dân cấp xã nộp lại toàn bộ giá dịch vụ vận chuyển và xử lý CTRSH cho Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện thanh toán giá dịch vụ vận chuyển cho chủ vận chuyển CTRSH trúng thầu theo hợp đồng cung ứng dịch vụ vận chuyển trên địa bàn cấp huyện và nộp giá dịch vụ xử lý CTRSH cho ngân sách nhà nước theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành.

c) Chủ thu gom CTRSH có pháp nhân tổ chức thu và thanh toán giá dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH của các hộ gia đình, cá nhân và các chủ nguồn thải nhỏ chọn hình thức quản lý CTRSH như hộ gia đình, cá nhân do đơn vị mình thực hiện cung ứng dịch vụ thu gom tại nguồn theo quy định như sau:

- Chủ thu gom CTRSH có pháp nhân tổ chức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, giữ lại toàn bộ giá dịch vụ thu gom tại nguồn và nộp lại toàn bộ giá dịch vụ vận chuyển, xử lý CTRSH cho Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện thanh toán giá dịch vụ vận chuyển cho chủ vận chuyển trúng thầu theo hợp đồng cung ứng dịch vụ vận chuyển trên địa bàn cấp huyện và nộp giá dịch vụ xử lý CTRSH cho ngân sách nhà nước theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành;

- Đối với chủ thu gom CTRSH không có pháp nhân, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao chủ vận chuyển CTRSH cung ứng dịch vụ trên địa bàn cấp huyện tổ chức thu và thanh toán giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định như sau: Chủ vận chuyển CTRSH thanh toán trực tiếp giá dịch vụ thu gom tại nguồn cho chủ thu gom CTRSH không có pháp nhân và nộp giá dịch vụ vận chuyển, xử lý CTRSH cho Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện thanh toán giá dịch vụ vận chuyển cho chủ vận chuyển theo hợp đồng cung ứng dịch vụ vận chuyển trên địa bàn cấp huyện và nộp giá dịch vụ xử lý CTRSH cho ngân sách nhà nước theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành.

d) Thu thông qua hóa đơn tiền điện, nước, qua phần mềm ứng dụng hoặc các hình thức khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo triển khai.

3. Đối với trường hợp chủ thu gom hoặc chủ vận chuyển thực hiện thu gom CTRSH của chủ nguồn thải nhỏ, hộ gia đình, cá nhân từ địa bàn cấp huyện này vận chuyển đến điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển trên địa bàn cấp huyện khác thì đơn vị thu giá dịch vụ (chủ thu gom/chủ vận chuyển/ Ủy ban nhân dân cấp xã) phải báo cáo danh sách thông tin, dữ liệu, hợp đồng của các chủ nguồn thải nhỏ, hộ gia đình,

cá nhân này cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tiếp nhận CTRSH để vận chuyển về các nhà máy xử lý. Căn cứ danh sách được lập, đơn vị tổ chức thu giá dịch vụ vận chuyển, xử lý CTRSH phải nộp toàn bộ giá dịch vụ vận chuyển, xử lý CTRSH đã thu các chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp này cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tiếp nhận CTRSH để vận chuyển về các nhà máy xử lý. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tiếp nhận khối lượng CTRSH từ địa phương khác thực hiện thanh toán giá dịch vụ vận chuyển cho chủ vận chuyển trúng thầu theo hợp đồng cung ứng dịch vụ vận chuyển trên địa bàn cấp huyện (có bao gồm khối lượng CTRSH từ địa phương khác thu gom về) và nộp giá dịch vụ xử lý CTRSH cho ngân sách nhà nước theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành.

4. Đối với chủ nguồn thải lớn và các chủ nguồn thải nhỏ chọn hình thức quản lý CTRSH như chủ nguồn thải lớn:

a) Trường hợp chủ nguồn thải lớn và các chủ nguồn thải nhỏ chọn hình thức quản lý CTRSH như chủ nguồn thải lớn lựa chọn ký hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 7 Điều 5 của Quy định Quản lý CTRSH trên địa bàn Thành phố theo Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND hoặc quy định pháp luật thay thế (nếu có):

Chủ thu gom được chọn ký hợp đồng sẽ thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của chủ nguồn thải theo phương thức được thỏa thuận trong hợp đồng giữa các bên, giữ lại phần giá dịch vụ thu gom tại nguồn và nộp toàn bộ giá dịch vụ vận chuyển, xử lý CTRSH cho Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện thanh toán giá dịch vụ vận chuyển cho chủ vận chuyển theo hợp đồng cung ứng dịch vụ vận chuyển trên địa bàn cấp huyện và nộp giá dịch vụ xử lý CTRSH theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành.

b) Trường hợp chủ nguồn thải lớn và các chủ nguồn thải nhỏ chọn hình thức quản lý CTRSH như chủ nguồn thải lớn lựa chọn ký hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 7 Điều 5 của Quy định Quản lý CTRSH trên địa bàn Thành phố theo Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND hoặc quy định pháp luật thay thế (nếu có):

Chủ vận chuyển trúng thầu trên địa bàn cấp huyện được chọn ký hợp đồng sẽ thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH của chủ nguồn thải theo phương thức được thỏa thuận trong hợp đồng giữa các bên, giữ lại phần giá dịch vụ thu gom tại nguồn, nộp toàn bộ giá dịch vụ vận chuyển và giá dịch vụ xử lý CTRSH cho Ủy

ban nhân dân cấp huyện. Chủ vận chuyển trúng thầu được Ủy ban nhân dân cấp huyện thanh toán chi phí vận chuyển theo hợp đồng cung ứng dịch vụ vận chuyển trên địa bàn cấp huyện và nộp giá dịch vụ xử lý CTRSH theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành.

c) Đối với trường hợp chủ thu gom hoặc chủ vận chuyển thực hiện thu gom CTRSH của chủ nguồn thải lớn từ địa bàn cấp huyện này vận chuyển đến điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển trên địa bàn cấp huyện khác thì đơn vị thu giá dịch vụ (chủ thu gom/chủ vận chuyển) phải báo cáo danh sách thông tin, dữ liệu, hợp đồng của các chủ nguồn thải lớn này cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tiếp nhận CTRSH để vận chuyển về các nhà máy xử lý. Căn cứ danh sách được lập, đơn vị tổ chức thu giá dịch vụ vận chuyển, xử lý CTRSH phải nộp toàn bộ giá dịch vụ vận chuyển, xử lý CTRSH đã thu các chủ nguồn thải lớn trong trường hợp này cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tiếp nhận CTRSH để vận chuyển về các nhà máy xử lý. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tiếp nhận khối lượng CTRSH từ địa phương khác thực hiện thanh toán giá dịch vụ vận chuyển cho chủ vận chuyển trúng thầu theo hợp đồng cung ứng dịch vụ vận chuyển trên địa bàn cấp huyện (có bao gồm khối lượng CTRSH từ địa phương khác thu gom về) và nộp giá dịch vụ xử lý CTRSH cho ngân sách nhà nước theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành.

d) Trường hợp chủ nguồn thải lớn và các chủ nguồn thải nhỏ chọn hình thức quản lý CTRSH như chủ nguồn thải lớn lựa chọn ký hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 7 Điều 5 của Quy định Quản lý CTRSH trên địa bàn Thành phố theo Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND hoặc quy định pháp luật thay thế (nếu có):

Chủ nguồn thải thanh toán trực tiếp giá dịch vụ của từng công đoạn cho từng đơn vị cung ứng dịch vụ (thanh toán giá thu gom cho chủ thu gom tại nguồn, giá vận chuyển cho chủ vận chuyển và giá dịch vụ xử lý CTRSH cho chủ xử lý CTRSH) hoặc tự thỏa thuận thu hộ của các bên. Chủ nguồn thải trong trường hợp này phải báo cáo về hợp đồng chuyển giao CTRSH cho Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn hoạt động của chủ nguồn thải để tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ sở trừ khối lượng CTRSH chuyển giao và thanh toán cho chủ xử lý CTRSH.

đ) Trường hợp chủ nguồn thải lớn và các chủ nguồn thải nhỏ chọn hình thức quản lý CTRSH như chủ nguồn thải lớn lựa chọn ký hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ thuộc đối tượng quy định tại điểm d khoản 7 Điều 5 của Quy định này: Chủ nguồn thải thanh toán giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH cho đơn vị

cung ứng dịch vụ theo phương thức được thỏa thuận trong hợp đồng giữa các bên và theo quy định cụ thể của chính quyền địa phương nơi tiếp nhận xử lý CTRSH.

5. Đối với đối tượng là các chủ thể lớn (như nhà cho thuê phòng trọ, chợ, các trung tâm thương mại, cao ốc, chung cư), Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể chọn 01 trong 02 phương thức:

a) Chủ thể lớn là một chủ nguồn thải đại diện để thu giá dịch vụ. Tùy vào khối lượng CTRSH phát sinh của chủ thể lớn để xác định đối tượng áp dụng mức giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định;

b) Từng cá thể (tiểu thương, phòng trọ, căn hộ, văn phòng) trong chủ thể lớn là một đối tượng thu giá dịch vụ. Tùy vào khối lượng CTRSH phát sinh của từng cá thể để xác định đối tượng áp dụng mức giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định.

6. Toàn bộ giá cụ thể dịch vụ vận chuyển, xử lý CTRSH thu từ chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân được thu và nộp về ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp huyện được sử dụng để bù đắp một phần cho ngân sách nhà nước chi cho công tác cung ứng dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố. Ngân sách nhà nước chi trả cho chủ vận chuyển, chủ xử lý CTRSH theo hợp đồng cung ứng dịch vụ vận chuyển, xử lý CTRSH giữa cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và chủ vận chuyển, chủ xử lý CTRSH.

7. Chi phí thu hộ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH do các bên liên quan tự thỏa thuận thanh toán.

Điều 6. Quy định bố trí dự toán kinh phí vận chuyển, xử lý CTRSH từ nguồn ngân sách Thành phố

1. Đối với giá dịch vụ vận chuyển CTRSH:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Kinh phí vận chuyển} & & \text{Kinh phí thanh toán} & & \text{Kinh phí thu được từ} \\ \text{CTRSH xem xét bố trí} & & \text{gói thầu dịch vụ vận} & & \text{hộ gia đình, cá nhân,} \\ \text{dự toán cho UBND} & = & \text{chuyển CTRSH trên} & - & \text{chủ nguồn thải theo} \\ \text{cấp huyện hàng năm} & & \text{địa bàn UBND cấp} & & \text{giá dịch vụ do} \\ (*) & & \text{huyện} & & \text{UBNDTP ban hành} \end{array}$$

- Trường hợp $(*) > 0$: Thành phố bố trí dự toán cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phần kinh phí vận chuyển bị thiếu;

- Trường hợp $(*) < 0$: Ủy ban nhân dân cấp huyện nộp ngân sách Thành phố phần kinh phí vận chuyển thu thừa để bù cho các Ủy ban nhân dân cấp huyện bị thiếu

kinh phí vận chuyển;

- Trường hợp (*) = 0: không thực hiện bố trí dự toán.

2. Đối với giá dịch vụ xử lý CTRSH:

Giá dịch vụ xử lý CTRSH do Ủy ban nhân dân cấp huyện thu được từ hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải sẽ được nộp ngân sách Thành phố. Ngân sách Thành phố sẽ thanh toán chi phí xử lý CTRSH cho các nhà máy xử lý theo hợp đồng đã ký kết.

Điều 7. Trách nhiệm của các bên liên quan

1. Chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân:

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các chủ thu gom, chủ vận chuyển CTRSH xác định khối lượng CTRSH phát sinh của chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân theo quy định này và các quy định hiện hành có liên quan;

b) Thực hiện hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định tại Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND hoặc quy định pháp luật thay thế (nếu có);

c) Cung cấp hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH cho Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn hoạt động của chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân để phục vụ cho công tác quản lý trong trường hợp chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp ký hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ;

d) Thực hiện chi trả giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định này và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Chủ thu gom, chủ vận chuyển CTRSH:

a) Phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã và các chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân xác định khối lượng CTRSH phát sinh của chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân do đơn vị mình cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển theo quy định này và các quy định hiện hành có liên quan;

b) Thực hiện hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định tại Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND hoặc quy định pháp luật thay thế (nếu có);

c) Cung cấp hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH cho các đơn vị quản lý nhà nước đối với hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo quy định này và các quy định hiện hành;

d) Thực hiện thu và chi trả giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định này và các quy định hiện hành có liên quan.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính hướng dẫn việc nộp giá dịch vụ xử lý CTRSH vào ngân sách Thành phố;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH khi tổng các cấu phần của đơn giá chi tiết về định mức, nhiên liệu và tiền lương có sự thay đổi lớn (trên 20%) hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Phối hợp Sở Tài chính, Chi cục Thuế Khu vực II hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời trong quá trình triển khai quy định giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Sở Tài chính:

a) Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc nộp giá dịch vụ xử lý CTRSH vào ngân sách Thành phố;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện báo cáo dự toán kinh phí vận chuyển, xử lý CTRSH từ nguồn ngân sách Thành phố để làm cơ sở xem xét bố trí dự toán cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hàng năm;

c) Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quá trình triển khai giá dịch vụ.

5. Chi Cục Thuế Khu vực II:

Hướng dẫn các đơn vị thực hiện chứng từ, hóa đơn thu tiền giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tổ chức triển khai quy định về giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý

CTRSH theo quy định này và các quy định hiện hành có liên quan;

b) Tổ chức triển khai, tuyên truyền, vận động các đối tượng liên quan triển khai thực hiện quy định giá cụ thể theo quy định này và các quy định hiện hành khác có liên quan; xây dựng kế hoạch tuyên truyền định kỳ hoặc dài hạn tại địa phương;

c) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với chủ thu gom, chủ vận chuyển CTRSH thực hiện thống kê, quản lý cơ sở dữ liệu về khối lượng CTRSH phát sinh của tất cả hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải trên địa bàn quản lý làm cơ sở xác định mức giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH phải thu theo quy định;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, quản lý cơ sở dữ liệu về hợp đồng chuyển giao CTRSH của tất cả hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải trên địa bàn quản lý (có bao gồm chủ nguồn thải chuyển giao CTRSH ra ngoài tỉnh) báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm cơ sở quản lý;

đ) Định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 01 năm sau hoặc đột xuất thực hiện báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính về tình hình triển khai, quản lý, thu chi giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn cấp huyện;

e) Thực hiện báo cáo nguồn kinh phí thu được từ giá dịch vụ trên địa bàn cấp huyện về Sở Tài chính làm cơ sở để Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện điều tiết, bố trí dự toán nguồn kinh phí vận chuyển hàng năm trên địa bàn thành phố Thủ Đức và các quận-huyện;

g) Tổ chức kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với các hành vi vi phạm theo quy định trong quá trình thực hiện thu và quản lý giá dịch vụ.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tổ chức triển khai quy định về giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định này và các quy định hiện hành có liên quan;

b) Triển khai, tuyên truyền, vận động các đối tượng liên quan triển khai thực hiện quy định giá cụ thể theo quy định này và các quy định hiện hành khác có liên quan;

c) Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, chủ thu gom, chủ vận chuyển CTRSH thực hiện thống kê, quản lý cơ sở dữ liệu về khối lượng CTRSH phát sinh và

hợp đồng chuyển giao CTRSH của hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải trên địa bàn quản lý làm cơ sở xác định mức giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH phải thu theo quy định;

d) Thực hiện báo cáo nguồn kinh phí thu được từ giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp làm cơ sở đề xuất bố trí dự toán nguồn kinh phí vận chuyển CTRSH hàng năm trên địa bàn thành phố Thủ Đức và các quận-huyện./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 128/2002/QĐ-UB ngày 12 tháng 11 năm 2002
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình
thụ lý và giải quyết hồ sơ di dời của doanh nghiệp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 2356/TTr-SCT ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 128/2002/QĐ-UB ngày 12 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành quy trình thụ lý và giải quyết hồ sơ di dời của doanh nghiệp và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 8322/BC-STP ngày 09 tháng 12 năm 2024;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 128/2002/QĐ-UB ngày 12 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 128/2002/QĐ-UB ngày 12 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình thụ lý và giải quyết hồ sơ di dời của doanh nghiệp.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 17 tháng 5 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2025/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 18 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của
Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 07 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về giao thông vận tải thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung

ương và Ủy ban nhân dân huyện, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 tháng 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 tháng 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức (quy chế mẫu) của Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 tháng 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức (quy chế mẫu) của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 506/TTr-NV ngày 17 tháng 4 năm 2025; Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 244/TTr-KTHTĐT ngày 16 tháng 4 năm 2025 và ý kiến của Phòng Tư pháp tại Báo cáo kết quả thẩm định số 358/BC-TP ngày 16 tháng 4 năm 2025;

Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ ban hành Quyết định ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2025. Quyết định này thay thế Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân

huyện Cần Giờ. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về thành lập Phòng Quản lý đô thị huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của
Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)*

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ (gọi tắt là Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị).

2. Đối tượng điều chỉnh

Quy định này áp dụng đối với công chức đang công tác tại Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; các cá nhân, tổ chức có liên quan đến Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trù nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở (nhà ở riêng lẻ, nhà chung cư); công sở; vật liệu xây dựng; giao thông; tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài

khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân huyện, đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ và các quy định khác của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân Thành phố).

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân huyện:

a) Dự thảo quyết định, quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn và hằng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực xây dựng, quy hoạch, giao thông vận tải, công thương trên địa bàn;

b) Dự thảo chương trình, giải pháp huy động, phối hợp liên ngành trong thực hiện công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn;

c) Các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố;

d) Dự thảo quyết định phân loại đường huyện, đường xã theo quy định của pháp luật;

đ) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

e) Phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực kinh tế, hạ tầng và đô thị cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và đơn vị sự nghiệp theo quy định pháp luật (nếu có).

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện dự thảo các văn bản về lĩnh vực phụ trách thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện theo phân công.

3. Lĩnh vực giao thông vận tải:

a) Tổ chức thực hiện và theo dõi thi hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình và các văn bản khác về giao thông vận tải sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mạng lưới công trình giao thông đường bộ, đường sắt đô thị, đường thủy nội địa địa phương đang khai thác do huyện chịu trách nhiệm quản lý;

c) Quản lý hoạt động vận tải trên địa bàn theo quy định của pháp luật và hướng

dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm công trình giao thông, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông; phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc giải tỏa lấn chiếm hành lang an toàn giao thông trên địa bàn theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện;

đ) Phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai hoạt động tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không xảy ra trên địa bàn;

e) Giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân huyện;

g) Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, thông tin về giao thông vận tải và các dịch vụ công trong lĩnh vực giao thông vận tải theo quy định của pháp luật.

4. Lĩnh vực xây dựng:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án và các văn bản khác trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ các lĩnh vực: quy hoạch xây dựng; kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; kết cấu hạ tầng giao thông; nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện lập quy chế quản lý kiến trúc, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị theo phân công, phân cấp và ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân huyện;

d) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép xây dựng công trình đã được cấp trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố;

đ) Thực hiện thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (đối với dự

án có công trình cấp III, cấp IV sử dụng vốn khác) theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố;

e) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện lập chương trình phát triển đô thị; phối hợp trong quá trình lập, thẩm định chương trình phát triển đô thị; tham gia lập đề án công nhận đô thị loại V trên địa bàn;

g) Tổ chức lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân huyện tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

h) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về nhà ở và công sở; tổ chức thực hiện công tác điều tra, thống kê, đánh giá định kỳ về nhà ở, công sở trên địa bàn;

i) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng các công trình theo quy chế quản lý kiến trúc, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức công bố, công khai các quy hoạch xây dựng; cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng; quản lý các mốc giới, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng trên địa bàn theo phân cấp;

k) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện quy định về hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân huyện;

l) Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo đảm tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị) do huyện chịu trách nhiệm quản lý.

5. Đối với lĩnh vực công thương

a) Tổ chức, hướng dẫn và thực hiện chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân đầu tư phát triển công nghiệp, mở rộng sản xuất - kinh doanh; tổ chức các hoạt động dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ sở sản xuất - kinh doanh thuộc lĩnh vực công thương. Thực hiện các chương trình, kế hoạch xúc tiến thương mại, xây dựng và phát triển thương hiệu trên địa bàn theo phân công của các cấp có thẩm quyền.

b) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện về xây dựng, trình ban hành kế

hoạch khuyến công phù hợp quy định pháp luật và điều kiện của địa phương; tham mưu cấp có thẩm quyền bảo đảm nguồn vốn từ ngân sách địa phương để tổ chức khuyến công trên địa bàn.

c) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện trong việc thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ người tiêu dùng theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công thương; theo dõi thi hành pháp luật về công thương.

đ) Giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện.

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo việc lập quy hoạch phát triển chợ, quản lý đầu tư xây dựng chợ theo phân cấp về đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về chợ và các quy định theo pháp luật chuyên ngành.

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện trong phạm vi trách nhiệm của mình phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng và trường học tổ chức phổ biến, giáo dục và hướng dẫn Nhân dân sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về điện lực.

h) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện: cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định; kiểm tra điều kiện, cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện của cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

7. Kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật và thực hiện các quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm các quy định thuộc lĩnh vực phụ trách; giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong ngành theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân huyện.

8. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân huyện, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Công thương và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

9. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật, theo phân công của Ủy ban nhân dân huyện.

10. Quản lý, tổ chức sử dụng có hiệu quả và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản, các phương tiện làm việc và ngân sách được giao của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân huyện.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị hoạt động theo chế độ Thủ trưởng. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng và các công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Căn cứ vào tình hình thực tế số lượng công việc, nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân huyện quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cho phù hợp và đúng quy định.

2. Trưởng phòng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị:

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, pháp luật về việc thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và các công việc được Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí; gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

b) Báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Sở Xây dựng, Sở Công thương về tổ chức, hoạt động của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân huyện khi được yêu cầu; phối hợp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội huyện giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

3. Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng

phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

4. Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ công tác, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Biên chế công chức

1. Biên chế công chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định trong tổng biên chế công chức đã được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức; gắn tinh giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức tại Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quyết định này, Trưởng phòng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, chế độ làm việc, mối quan hệ công tác trong công tác của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quyết định này.

2. Trưởng phòng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm thực hiện Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị sau khi được Ủy ban nhân dân ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2025/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 06 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức
của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hạn hành quy định về hướng dẫn chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Y tế thuộc ủy ban nhân dân thành phố thủ đức và các quận - huyện;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 629/TTr-NV ngày 05 tháng 5 năm 2025, Trưởng Phòng Y tế tại Tờ trình số 401/TTr-YT ngày 28 tháng 4 năm 2025 và ý kiến của Phòng Tư pháp tại Báo cáo kết quả thẩm định số 387/BC-TP ngày 25 tháng 4 năm 2025;

Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ ban hành Quyết định ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2025. Quyết định này thay thế Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Y tế huyện Cần Giờ. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 11/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về thành lập Phòng Y tế huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Y tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hồng

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của
Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ (gọi tắt là Phòng Y tế).

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với công chức đang công tác tại Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ; các cá nhân, tổ chức có liên quan đến Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Phòng Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ (gọi tắt là Ủy ban nhân dân huyện) có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy) và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

2. Phòng Y tế có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, Sở An toàn thực phẩm Thành phố

Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là Sở Y tế, Sở An toàn thực phẩm) và các cơ quan có liên quan theo quy định.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân huyện

a) Dự thảo quyết định; quy hoạch, kế hoạch phát triển y tế trung hạn và hằng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn;

b) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Y tế.

c) Thực hiện phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực y tế do Ủy ban nhân dân huyện phân cấp (nếu có);

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện theo phân công về lĩnh vực y tế như y tế, dân số, an toàn thực phẩm, bảo trợ xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn huyện.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về lĩnh vực y tế như y tế, dân số, an toàn thực phẩm, bảo trợ xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực y tế.

4. Giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép, giấy chứng nhận trong lĩnh vực y tế thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân huyện.

5. Giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn và kiểm tra đối với các hội và tổ chức phi chính phủ tham gia hoạt động trong lĩnh vực y tế trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.

6. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực y tế, bảo trợ xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội đối với cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.

7. Tổ chức nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây

dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực y tế.

8. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân huyện và Sở Y tế, Sở An toàn thực phẩm.

9. Kiểm tra, tham gia thanh tra về lĩnh vực y tế đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực y tế theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân huyện. Thường trực Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh, Ban chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm huyện.

10. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định đối với các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền.

11. Phối hợp với các ngành, đoàn thể xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ các đối tượng chính sách xã hội.

12. Quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm; đề xuất khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Phòng Y tế theo quy định của pháp luật.

13. Quản lý và tổ chức sử dụng công sản, tài sản, tài chính và ngân sách được giao theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân huyện.

14. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức bộ máy

Phòng Y tế hoạt động theo chế độ thủ trưởng. Phòng Y tế có Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng và các công chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Căn cứ vào tình hình thực tế số lượng công việc, nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân huyện quyết định cụ thể số lượng cấp phó của Phòng Y tế cho phù hợp.

1. Trưởng phòng có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và các Sở quản lý ngành, lĩnh vực về tổ chức, hoạt động của Phòng Y tế; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện khi được yêu cầu; phối hợp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội huyện giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn của Phòng Y tế.

Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân huyện.

2. Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng chỉ đạo một số công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, ủy nhiệm cho một Phó Trưởng phòng điều hành các hoạt động của phòng.

3. Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Biên chế công chức

1. Biên chế công chức của Phòng Y tế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định trong tổng biên chế công chức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, năng lực, trình độ của công chức; gắn tinh giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức tại Phòng.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quyết định này, Trưởng phòng Y tế có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, chế độ làm việc, quy chế phối hợp trong công tác của Phòng Y tế; trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm, chức danh tiêu chuẩn công chức của Phòng Y tế phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không được trái với nội dung Quy định này, trình Ủy ban nhân dân huyện quyết định để thi hành.

2. Trưởng phòng Y tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm thực hiện Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Y tế sau khi được Ủy ban nhân dân huyện quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi cho phù hợp./.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1322/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền tiếp nhận của UBND quận, huyện,
thành phố Thủ Đức

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ
về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm
2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến
kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm
2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết
thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định
của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực
hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ
về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch
Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ
tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 365/TTr-STNMT-VP ngày 11 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc theo phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thuộc thẩm quyền tiếp nhận Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

Danh mục và nội dung chi tiết của 01 quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-boTTHC.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được tái cấu trúc khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA UBND
QUẬN, HUYỆN, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	Tên quy trình nội bộ
1	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC**QUY TRÌNH 1****Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền****của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện***(Ban hành kèm theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025**của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)***I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn yêu cầu hoà giải tranh chấp đất đai.	01	Bản chính
2	Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã.	01	Bản photo hoặc có công chứng, chứng thực
3	Các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ tranh chấp đất đai.		Bản photo hoặc có công chứng, chứng thực

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN THỰC HIỆN, LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa hoặc Ban Tiếp công dân - Ủy ban nhân dân cấp huyện	<p>- Thời hạn giải quyết không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai¹.</p> <p>- Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p>	Không có

¹ Không bao gồm thời gian xử lý đơn theo Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực xử lý đơn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh (**thời hạn 10 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được Đơn yêu cầu).

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa		Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả²; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Thẩm tra, xác minh vụ việc	Tổ xác minh	23 ngày	Biên bản làm việc, dự thảo báo cáo kết quả xác minh	Tổ xác minh xác minh tình tiết vụ việc, làm việc với các bên tranh chấp, tổng hợp nội dung vụ việc
B3	Hợp hòa giải tranh chấp/ Hợp lấy ý kiến các đơn vị	Lãnh đạo UBND cấp huyện chủ trì, Tổ xác minh chuẩn bị nội dung	07 ngày	Biên bản họp	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tổ chức hòa giải giữa các bên giải quyết tranh chấp theo trình tự thủ tục quy định. - Hợp lấy ý kiến của các đơn vị về việc giải quyết tranh chấp
B4	Hoàn	Tổ xác	03 ngày	Dự thảo	Tổ xác minh hoàn chỉnh

² Sau khi kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ tại B1 của quy trình, cán bộ xử lý đơn phải hoàn thành việc xử lý đơn theo Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 (**10 ngày làm việc**), Bộ phận một cửa lập Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả (có đính kèm Thông báo thụ lý) gửi cho cá nhân, tổ chức.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	chỉnh dự thảo Báo cáo kết quả xác minh và dự thảo Quyết định	minh		Báo cáo kết quả xác minh và dự thảo Quyết định	nội dung dự thảo Báo cáo kết quả xác minh và dự thảo Quyết định sau khi hợp hòa giải tranh chấp và hợp lấy ý kiến các đơn vị (nếu có)
B5	Xem xét hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	03 ngày		Xem xét nội dung dự thảo Báo cáo kết quả xác minh và dự thảo Quyết định
B6	Tiếp nhận hồ sơ từ Phòng Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên bộ phận hành chính (Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện)	01 ngày	Báo cáo kết quả xác minh, dự thảo Quyết định và các tài liệu có liên quan	Chuyên viên bộ phận hành chính (Văn phòng UBND cấp huyện) tiếp nhận hồ sơ từ Phòng Tài nguyên và Môi trường và chuyển chuyên viên phụ trách (Văn phòng UBND cấp huyện)
B7	Tham mưu ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc Quyết định công nhận hòa giải thành	Chuyên viên phụ trách (Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện)	02 ngày	Dự thảo Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc Quyết định công nhận hòa giải thành	Chuyên viên phụ trách (Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện) tham mưu ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc Quyết định công nhận hòa giải thành
B8	Xem xét dự thảo Quyết định giải quyết tranh chấp	Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện	01 ngày	Dự thảo Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc Quyết định công	Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét hồ sơ do Chuyên viên phụ trách (Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện)

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	hoặc Quyết định công nhận hòa giải thành			nhận hòa giải thành	trình
B9	Ký duyệt	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	03 ngày	Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc Quyết định công nhận hòa giải thành	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét ký duyệt Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc dự thảo quyết định công nhận hòa giải thành
B10	Ban hành văn bản	Chuyên viên bộ phận hành chính (Văn phòng UBND cấp huyện)	01 ngày	Hồ sơ đã được phê duyệt	Chuyên viên bộ phận hành chính (Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện) thực hiện cho sổ, đóng dấu văn bản, chuyển đến tổ chức, cá nhân
B11	Trả kết quả, thống kê, theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo giấy hẹn	Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc Quyết định công nhận hòa giải thành	Trả kết quả đến tổ chức, cá nhân

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2.	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Hồ sơ lưu
1	//	Thành phần hồ sơ theo Mục I
2	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (lưu tại Bộ phận Một cửa)
3	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
4		Báo cáo Kết quả xác minh và Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc dự thảo quyết định công nhận hòa giải thành.
5		Hồ sơ có liên quan

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1323/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền tiếp nhận của UBND phường, xã, thị trấn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 365/TTr-STNMT-VP ngày 11 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc theo phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thuộc thẩm quyền tiếp nhận Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

Danh mục và nội dung chi tiết của 01 quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-boTTHC.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được tái cấu trúc khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA
UBND PHƯỜNG, XÃ, THỊ TRẤN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	Tên quy trình nội bộ
1	Hòa giải tranh chấp đất đai của Ủy ban nhân

QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 1

Hòa giải tranh chấp đất đai của Ủy ban nhân dân cấp xã
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn yêu cầu hoà giải tranh chấp đất đai.	01	bản chính
2	Các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ tranh chấp đất đai.		bản photo hoặc có công chứng, chứng thực

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN THỰC HIỆN, LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa hoặc Phòng Tiếp công dân của Ủy ban nhân dân cấp xã	Thời hạn giải quyết không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp đất đai.	Không có

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa hoặc Phòng Tiếp công dân		BM 01 BM02 BM 03	Công chức tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc công chức tiếp công dân phải xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử,

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định: Công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ theo quy định: Công chức trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do theo Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).</p>
B2	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý	1,5 ngày (trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ)	Dự thảo thông báo, hướng dẫn hồ sơ chưa hợp lệ, không thuộc thẩm quyền	<p>Công chức kiểm tra, thẩm định hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: Công chức thực hiện tiếp từ B3.1-B3.2</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: công chức thực hiện từ B4</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
			13 ngày (trường hợp hồ sơ hợp lệ)	Biên bản làm việc, dự thảo báo cáo kết quả xác minh	Công chức thụ lý xác minh tình tiết vụ việc, làm việc với các bên tranh chấp, tổng hợp nội dung vụ việc
B3. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ					
B3.1	Ký duyệt	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã	01 ngày	Dự thảo thông báo, hướng dẫn hồ sơ chưa hợp lệ hoặc không thuộc thẩm quyền	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã ký văn bản
B3.2	Ban hành văn bản	Văn thư Ủy ban nhân dân cấp xã	0,5 ngày	Hồ sơ đã được duyệt	Văn thư thực hiện cho sổ, đóng dấu văn bản trả lời, chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả
Sau khi tổ chức cá nhân bổ sung hồ sơ theo đề nghị của Sở. tiếp tục thực hiện quy trình từ B2 (thời gian này tạm ngưng)					
B4	Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp/ Hợp hòa giải tranh chấp	Lãnh đạo UBND cấp xã chủ trì, Công chức thụ lý hồ sơ chuẩn bị nội dung	14,5 ngày	Quyết định/Biên bản họp	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai theo Điểm b Khoản 2 Điều 235 Luật Đất đai năm 2024. - Thực hiện tổ chức hòa giải giữa các bên giải quyết tranh chấp theo trình tự thủ tục quy định. - Lập biên bản hòa giải thành đối với trường hợp hòa giải

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>thành hoặc Biên bản hòa giải không thành đối với trường hợp hòa giải không thành và hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp tiếp theo.</p> <p><i>(Đối với trường hợp hòa giải thành và có thay đổi hiện trạng về ranh giới, diện tích, phải có văn bản công nhận kết quả hòa giải thành)</i></p>
B5	Gửi biên bản hòa giải	Bộ phận một cửa	01 ngày		<ul style="list-style-type: none"> - Gửi Biên bản hòa giải cho các bên tranh chấp, lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã - Gửi văn bản công nhận kết quả hòa giải thành (nếu có)
<p>Trường hợp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà các bên tranh chấp có ý kiến bằng văn bản khác với nội dung đã thống nhất trong biên bản hòa giải thành sẽ thực hiện lại B4</p>					

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2.	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4		Báo cáo Kết quả xác minh
5		Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã
6		Văn bản công nhận kết quả hòa giải thành (nếu có)
8	//	Thành phần hồ sơ theo quy định

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1333/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
lĩnh vực đất đai, tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền tiếp nhận
của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 365/TTr-STNMT-VP ngày 11 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 02 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc theo phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thuộc thẩm quyền tiếp nhận Sở Tài nguyên và Môi trường.

Danh mục và nội dung chi tiết của 02 quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-boTTHC.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được tái cấu trúc khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
ĐẤT ĐAI, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP
NHẬN CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	Tên quy trình nội bộ
Lĩnh vực tài nguyên và môi trường	
1	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
Lĩnh vực đất đai	
2	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

QUY TRÌNH NỘI BỘ**QUY TRÌNH 01****Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1333 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (Mẫu số 02.docx ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ)	01	Bản chính
2	Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu số 03.docx ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ)	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN THỰC HIỆN, LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<p>*Hình thức trực tiếp: Bộ phận một cửa - Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường Địa chỉ: Số 63 đường Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1</p> <p>*Hình thức trực tuyến: Cổng Dịch vụ công: dichvucong.hcm.gov.vn</p>	05 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Theo các quy định pháp luật về mức thu phí khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân		Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa		Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<p>1. Tiếp nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp phiếu yêu cầu cung cấp thông tin thuộc thẩm quyền của Sở: <p>Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; chuyển hồ sơ đến đơn vị xử lý theo quy trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp phiếu yêu cầu cung cấp thông tin thuộc các thủ tục đã công bố của các đơn vị thuộc Sở: Hướng dẫn người nộp, nộp hồ sơ tại các đơn vị có liên quan và ghi rõ nội dung theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 <p>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nội dung yêu cầu cung cấp thông tin; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và chuyển đơn vị xử lý hồ sơ theo quy trình.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, nội dung yêu cầu cung cấp thông tin không thuộc thẩm quyền của Sở thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân thực hiện theo đúng quy định.</p> <p>=> thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p>
B2	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên phòng Lưu trữ và Cơ sở dữ liệu (P.LTDL) thuộc Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường	0,5 ngày		<p>Chuyên viên kiểm tra, thẩm định hồ sơ yêu cầu cung cấp nội dung thông tin liên quan đến phòng, ban, đơn vị nào thuộc Sở,</p> <p>dự thảo phiếu trình, văn bản yêu cầu các đơn vị có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu đính kèm.</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
		(TTCNTT)		Theo mục I BM 01 Phiếu trình, dự thảo văn bản yêu cầu các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở (các đơn vị) cung cấp thông tin, tài liệu.	
B3	Xem xét hồ sơ	Lãnh đạo P.LTDL thuộc TTCNTT	0,25 ngày		Xem xét, ký duyệt phiếu trình, ký nháy văn bản yêu cầu các đơn vị cung cấp thông tin, tài liệu đính kèm.
B4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo TTCNTT	0,25 ngày		Xem xét, ký duyệt phiếu trình và văn bản yêu cầu các đơn vị cung cấp thông tin, tài liệu đính kèm.
B5	Cung cấp hồ sơ	Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở ¹	02 ngày	Văn bản cung cấp thông tin, tài liệu đính kèm	Kiểm tra nội dung cung cấp thông tin và chuyển thông tin, tài liệu cần cung cấp cho TTCNTT
B6	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên P.LTDL thuộc TTCNTT	0,5 ngày	Theo mục I BM 01 Văn bản cung cấp thông tin,	Kiểm tra nội dung thông tin tiếp nhận từ các đơn vị, dự thảo văn bản cung cấp thông tin

¹ : Phòng Quản lý đất, Phòng Kinh tế đất; Phòng Pháp chế; Thanh tra Sở; Phòng Đo đạc, bản đồ và Viễn thám; Phòng Tài nguyên nước, khoáng sản và Biển đảo; Phòng Quản lý chất thải rắn; Phòng Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu; Trung tâm Quan trắc Tài nguyên Môi trường; Chi cục Bảo vệ môi trường; Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố; Trung tâm Phát triển Quỹ đất; Trung tâm Đo đạc Bản đồ; Trung tâm Kiểm định bản đồ và tư vấn tài nguyên môi trường.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
				tài liệu của các đơn vị, Phiếu trình, dự thảo văn bản cung cấp thông tin	
B7	Xem xét hồ sơ	Lãnh đạo P.LTDL thuộc TTCNTT	0,25 ngày	Theo mục I BM 01 dự thảo văn bản cung cấp thông tin, tài liệu	Xem xét nội dung văn bản cung cấp thông tin, tài liệu, ký Phiếu trình
B8	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo TTCNTT	0,5 ngày		Xem xét ký duyệt Phiếu trình, ký nháy dự thảo văn bản cung cấp thông tin, tài liệu
B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày		Xem xét ký duyệt Phiếu trình và Văn bản cung cấp thông tin, tài liệu
B10	Ban hành văn bản	Văn thư Sở	0,25 ngày	Hồ sơ đã được phê duyệt	Văn thư thực hiện cho số, đóng dấu văn bản, chuyển kết quả về Bộ phận Một cửa.
B11	Trả kết quả, thống kê, theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Tiếp nhận kết quả, vào hồ sơ lưu. - Tr�� kết qu�� cho t�� ch��c/c�� nh��n

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM03	Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính

4	BM04	Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
5	BM05	Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM03	Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính
4	BM04	Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
5	BM05	Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với cá nhân nước ngoài tại Việt Nam
6	//	Các hồ sơ pháp lý đi kèm

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính Phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 ngày 5 tháng 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP

ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 1236/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung về khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế thu thập, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

- Quyết định số 4832/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Các quy định về thu phí, lệ phí khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường:

- Thông tư số 65/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường

- Thông tư số 56/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ hệ thống thông tin quốc gia về đất đai

- Thông tư số 11/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản

- Thông tư số 47/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ.

- Thông tư số 197/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn.

- Thông tư số 36/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 của Bộ Tài chính về quy định

mức thu, nộp phí thẩm định cấp phép thăm dò, khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất do cơ quan Trung ương thực hiện và phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn.

- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 9/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành mức thu các loại phí, lệ phí; trong đó có Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (áp dụng đối với hồ sơ cung cấp thông tin trực tiếp hoặc hồ sơ không có trên cơ sở dữ liệu quốc gia).

BM04

Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường*(Mẫu số 02 -Phụ lục kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP**ngày 14 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:.....

.....

Số CMTND/Căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân):.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại, fax, E-mail:.....

4. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp:

.....

.....

5. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:

.....

.....

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...):

.....

.....

7. Cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu:

.....
.....

**NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN,
DỮ LIỆU¹**

1 Trường hợp là cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan phải ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký, ghi rõ họ tên.

**Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với cá nhân
nước ngoài tại Việt Nam**

*(Mẫu số 03 -Phụ lục kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP
ngày 14 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

1. Người yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:.....

.....

2. Nơi đang làm việc, học tập:.....

.....

3. Quốc tịch, Số Hộ chiếu:.....

.....

4. Số điện thoại, fax, E-mail:.....

.....

5. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu yêu cầu cung cấp:.....

.....

6. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:.....

.....

7. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp;
nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...
):.....

.....

8. Cam kết của người yêu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu:.....

.....

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC
NƠI ĐANG LÀM VIỆC, HỌC TẬP**
(Ký xác nhận, đóng dấu)

NGƯỜI YÊU CẦU
(Ký, ghi rõ họ tên)

QUY TRÌNH NỘI BỘ**QUY TRÌNH 02****Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1333 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai.	01	Bản chính
2	Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã.	01	Bản photo hoặc có công chứng, chứng thực
3	Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với trường hợp đã có Quyết định giải quyết lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện).	01	Bản photo hoặc có công chứng, chứng thực
4	Các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ tranh chấp đất đai.		Bản photo hoặc có công chứng, chứng thực

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN THỰC HIỆN, LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
1. Bộ phận một cửa - Sở Tài nguyên và Môi trường Địa chỉ: Số 63 đường Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1 2. Phòng Tiếp công dân - Sở Tài nguyên và Môi trường Địa chỉ: số 63 Lý Tự Trọng,	- Thời hạn giải quyết không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai ¹ . - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được	Không có

¹ Không bao gồm thời gian xử lý đơn theo Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực xử lý đơn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh (**thời hạn 10 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được Đơn yêu cầu).

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
phường Bến Nghé, Quận 1	tăng thêm 10 ngày.	

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa		Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả²; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Thẩm tra, xác minh vụ việc	Tổ xác minh	26 ngày	Biên bản làm việc, dự thảo báo cáo kết quả xác minh	Tổ xác minh xác minh tình tiết vụ việc, làm việc với các bên tranh chấp, tổng hợp nội dung vụ việc
B3	Hợp hòa giải tranh chấp; Hợp lấy ý kiến các đơn vị	Lãnh đạo Sở chủ trì, Tổ xác minh chuẩn bị nội dung	09 ngày	Biên bản họp	- Thực hiện tổ chức hòa giải giữa các bên giải quyết tranh chấp theo trình tự thủ tục quy định.

² Sau khi kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ tại B1 của quy trình, cán bộ xử lý đơn phải hoàn thành việc xử lý đơn theo Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 (**10 ngày làm việc**), Bộ phận một cửa lập Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả (có đính kèm Thông báo thụ lý) gửi cho cá nhân, tổ chức.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					- Hợp lấy ý kiến của các đơn vị về việc giải quyết tranh chấp
B4	Hoàn chỉnh nội dung dự thảo Báo cáo kết quả xác minh và dự thảo Quyết định	Tổ xác minh	03 ngày	Dự thảo Báo cáo kết quả xác minh và dự thảo Quyết định	Tổ xác minh hoàn chỉnh nội dung dự thảo Báo cáo kết quả xác minh và dự thảo Quyết định sau khi họp hòa giải tranh chấp và họp lấy ý kiến các đơn vị (nếu có)
B5	Xem xét hồ sơ	Lãnh đạo Thanh tra Sở	03 ngày	Dự thảo Báo cáo kết quả xác minh và dự thảo Quyết định	Xem xét nội dung dự thảo Báo cáo kết quả xác minh và dự thảo Quyết định
B6	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	02 ngày	Dự thảo Báo cáo kết quả xác minh và dự thảo Quyết định	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt Báo cáo kết quả xác minh và Quyết định
B7	Phát hành văn bản đến UBND Thành phố	Văn thư Sở	01 ngày	Hồ sơ đã được phê duyệt	Văn thư thực hiện cho số, đóng dấu văn bản, chuyển đến Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên phòng hành chính - tổ chức Văn phòng UBND Thành phố	01 ngày	Báo cáo kết quả xác minh, dự thảo Quyết định và các tài liệu có liên quan	Chuyên viên phòng hành chính - tổ chức - Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tài nguyên và Môi trường
B9	Kiểm tra, rà soát hồ sơ trình	Chuyên viên phòng chuyên	04 ngày	Dự thảo Quyết định giải quyết	Chuyên viên phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Ủy ban

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
		môn thuộc Văn phòng UBND Thành phố		tranh chấp hoặc Quyết định công nhận hòa giải thành	nhân dân Thành phố tham mưu ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc Quyết định công nhận hòa giải thành
B10	Xem xét hồ sơ trình	Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND Thành phố	02 ngày	Dự thảo Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc Quyết định công nhận hòa giải thành	Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét hồ sơ do Chuyên viên phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trình
B11	Duyệt hồ sơ trình	Lãnh đạo Văn phòng, UBND Thành phố	02 ngày	Dự thảo Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc Quyết định công nhận hòa giải thành	Lãnh đạo Văn phòng, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét hồ sơ
B12	Ký duyệt	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố	05 ngày	Dự thảo Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc dự thảo Quyết định công nhận hòa giải thành	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét ký duyệt Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc Quyết định công nhận hòa giải thành
B13	Ban hành văn bản	Chuyên viên phòng hành chính - tổ chức Văn phòng	01 ngày	Hồ sơ đã được phê duyệt	Chuyên viên phòng hành chính - tổ chức Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện cho sổ, đóng

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
		UBND Thành phố			dấu văn bản, chuyển đến tổ chức, cá nhân
B14	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	Văn thư Sở	01 ngày	Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc Quyết định công nhận hòa giải thành	Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc Quyết định công nhận hòa giải thành từ Ủy ban nhân dân Thành phố để trả kết quả
B15	Trả kết quả, thông kê, theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo giấy hẹn	Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc Quyết định công nhận hòa giải thành	Trả kết quả đến tổ chức, cá nhân

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2.	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Hồ sơ lưu
1	//	Thành phần hồ sơ theo Mục I
2	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
3	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
4		Báo cáo Kết quả xác minh và Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc dự thảo quyết định công nhận hòa giải thành.
5		Hồ sơ có liên quan

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai./.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng